

Bản án số:10/2025/HNGĐ - ST
Ngày:18/4/2025
Về “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Thu Thủy.

- *Các hội thẩm nhân dân*

1. Ông Nguyễn Hồng Hải;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đào Hồng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên không tham gia phiên tòa.*

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 32/2025/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mai N, sinh năm 1985;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Xóm Đ, xã TC, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị N, anh H đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện bản tự khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Mai N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu và sau đó chung sống như vợ chồng với nhau, sau đó chị N đã có thai và anh chị đã được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương và anh chị đã tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Công vào ngày

09/7/2013. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh H. Tình cảm vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2018 cụ thể là từ sau khi chị sinh con thứ hai thì tình cảm anh chị dần xa cách, anh chị vẫn chung sống cùng nhà nhưng không có quan hệ vợ chồng, chị cũng một lần hỏi anh tại sao không còn nhu cầu quan hệ vợ chồng với chị nữa thì anh nói là mệt rồi từ đó trở đi đến nay đã gần 06 năm anh chị không quan hệ vợ chồng với nhau nữa và đã sống ly thân nhau đến nay. Bên cạnh đó thì anh H còn nhiều lần xúc phạm đến chị và gia đình chị, xong vì thương các con chị cũng đã cố gắng chịu đựng để tiếp tục chung sống dưới một mái nhà cùng anh H để nuôi dạy các con. Tuy nhiên đến năm 2025 chị thấy không thể chịu đựng được nữa, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng và không có hạnh phúc, ảnh hưởng nặng nề đến tâm lý của chị nên chị xác định không còn tình cảm với anh H nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung là: Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 09/01/2014 và Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 15/9/2018. Tại đơn khởi kiện và trong bản tự khai chị trình bày khi ly hôn có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên tại phiên toà hôm nay chị thay đổi ý kiến và đề nghị được nuôi cháu A còn để anh H nuôi cháu Đ và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Trước kia chị làm may tại nhà còn hai tháng nay chị đã đi làm công nhân, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng, về chỗ ở hiện nay chị và anh H vẫn ở nhà chung của vợ chồng nên chị đảm bảo được cuộc sống của con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định, trong quá trình chung sống anh chị có tài sản chung và nợ chung nhưng anh chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về khoản cho vay chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên toà bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị N trình bày là đúng. Sau khi cưới anh và chị N thuê nhà ở Hà Nội để chung sống và làm ăn. Tình cảm vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được nhiều năm đầu, đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị N có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác. Sau này còn một vài lần anh phát hiện chị N ngoại tình nhưng cũng đều tha thứ để vợ chồng hàn gắn, tiếp tục cùng nhau chung sống nuôi dạy con chung. Việc chị N trình bày là từ năm 2018 đến nay anh chị không còn quan hệ vợ chồng thì không phải là anh không muốn mà chính chị N mới là người không muốn. Do vậy anh cũng chấp nhận và không đặt vấn đề quan hệ vợ chồng với chị N nữa. Mặt khác trong thời gian vợ chồng sống ly thân chị N không hề quan tâm, chia sẻ công việc và kinh tế với anh, nhiều lần anh đi chợ lấy hàng về mệt mỏi bị ngắt chị cũng không

quan tâm hay hỏi han anh được một câu. Bên cạnh đó khoảng tháng 10/2024, anh phát hiện chị N chơi bạc trên mạng và mất nhiều tiền, từ những mâu thuẫn đó mà vợ chồng căng thẳng với nhau. Nay chị N xin ly hôn. Tại bản tự khai anh H đã trình bày quan điểm không đồng ý ly hôn với chị N nhưng nếu chị N cứ kiên quyết xin ly hôn với anh thì anh cũng chấp nhận. Ban đầu tại phiên toà anh xác định vẫn còn tình cảm với chị N và không đồng ý ly hôn với chị N. Tuy nhiên sau đó anh xác định chị N khẳng định không còn tình cảm với anh và cũng không có mong muốn thay đổi để vợ chồng về đoàn tụ, nên anh nhất trí thuận tình ly hôn với chị N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là: Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 09/01/2014 và Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 15/9/2018. Tại bản tự khai anh nhất trí để chị nuôi cả hai con chung, trường hợp nếu chị N không muốn thì anh sẽ nuôi cả hai con. Tại phiên toà hôm nay anh đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm nghề buôn bán chè búp tự do, thu nhập bình quân khoảng 25.000.000đồng/ tháng anh đảm bảo được cuộc sống của các con.

Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Anh H xác định, trong quá trình chung sống anh chị có tài sản chung và nợ chung nhưng sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về khoản cho vay chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phản tranh luận: Chị N giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh H; về con chung chị giữ nguyên quan điểm được nuôi cháu An còn để anh H nuôi cháu Đạt và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai; Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết; về các khoản cho vay chung: Không có.

Anh H nhất trí thuận tình ly hôn với chị N; về con chung: Anh H vẫn giữ nguyên quan điểm được nuôi cả con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết; về các khoản cho vay chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX xét thấy:

[1]. Về thủ tục lý đơn khởi kiện: Ngày 14/02/2025 chị N nộp đơn khởi kiện đến Tòa án, cùng ngày Tòa án ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, ngày 25/02/2025 chị N đã nộp đơn lại đơn khởi kiện. Tòa án đã có Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí vào ngày 25/02/2025, cùng ngày chị N đã nộp lại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý vụ án, đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 191 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng, việc không tiến hành hòa giải được: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh H và báo anh H, chị N đến Tòa án để tiến hành hoà giải. Tuy nhiên anh H không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, phía chị N có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành phiên hoà giải, Tòa án đã lập biên bản không tiến hành phiên hòa giải được phù hợp với quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mai N và bị đơn là anh Nguyễn Văn H. Anh H có hộ khẩu thường trú và hiện đang ở tại xóm Đặt, xã Thành Công, thành phố Phổ Yên. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án không tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ nên không có sự tham gia của Viện kiểm sát là phù hợp quy định của pháp luật.

[4]. Về nội dung:

[4.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai N và anh Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận. Theo chị N đến năm 2018 sau khi chị sinh con thứ hai xong thì không hiểu lý do gì anh H không muốn quan hệ vợ chồng với chị nữa, chị cũng đã chủ động hỏi anh H thì anh H trả lời là mệt, sau đó thì chị không hỏi nữa và từ đó vợ chồng mặc dù vẫn ở cùng nhà và ăn uống cùng nhau nhưng mỗi người ngủ một phòng và không quan hệ vợ chồng cho đến nay. Ngoài ra thì anh H còn nhiều lần xúc phạm đến chị và gia đình chị vì thế đến nay chị xác định không còn tình cảm với anh H nữa và kiên quyết xin ly hôn với anh H. Phía anh H cũng xác định từ sau khi chị N sinh con thứ hai thì anh chị không còn quan hệ vợ chồng với nhau nữa và anh cũng đã chủ động hỏi chị về vấn đề này nhưng chính chị là người nói mệt và không muốn quan hệ vợ chồng với anh nữa. Bên cạnh đó thì chị còn có quan hệ ngoài luồng với người khác, mặc dù anh không bắt được quả tang mà chỉ đọc được tin nhắn của chị với người khác, anh đã từng tha thứ cho chị, nhưng sau đó chị cũng không thay đổi, bên cạnh đó thì chị cũng không quan tâm gì đến anh và vợ chồng cũng đã ly thân nhau nhiều năm nay. Ban đầu anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên đến nay anh cũng xác định chị N không còn tình cảm với anh và không có mong muốn thay đổi để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung, nên anh nhất trí thuận tình ly hôn với chị N. Xét thấy vợ chồng anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân nhau nhiều năm nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa và đều xác định không còn tình cảm với nhau nữa và đề nghị được thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thoả thuận

thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và cũng phù hợp với quy định của pháp luật. Nay cần công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có hai con chung là: Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 09/01/2014 và Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 15/9/2018. Nay ly hôn chị N đề nghị được nuôi cháu A còn để anh H nuôi cháu Đ và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Phía anh H ban đầu cũng đồng ý để cho chị N được nuôi cả hai con nhưng tại phiên toà hôm nay anh thay đổi đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng nuôi con của anh chị đều thực tâm. Tuy nhiên xét thấy hiện nay cả chị N và anh H đều làm nghề tự do (phía chị N mới đi làm công ty được khoảng hơn một tháng nay, còn trước đó chị cũng làm may tự do tại nhà). Anh H trình bày thu nhập được khoảng 25.000.000đồng/ tháng, chị N trình bày thu nhập được khoảng 8.000.000đồng đến 9.000.000đồng/ tháng, xong cả hai anh chị đều không có tài liệu chứng cứ để chứng minh thu nhập của mình. Về chỗ ở hiện nay anh chị vẫn ở chung nhà là tài sản chung của vợ chồng, anh chị chưa phân chia tài sản. Do vậy về chỗ ở của hai anh chị là như nhau. Đối với cháu Đ từ khi sinh ra cháu đã bị tự kỷ do vậy không đi học và không biết chữ nên không thể cho cháu trình bày nguyện vọng được. Đối với cháu A đến nay chưa đủ 07 tuổi nên Toà án cũng không tiến hành cho cháu A trình bày nguyện vọng. Xét về điều kiện kinh tế và chỗ ở thì thấy cả hai anh chị đều đảm bảo về kinh tế và chỗ ở cho các con và để chia sẻ trách nhiệm nuôi con và để có điều kiện chăm sóc con tốt nhất và đối với cháu A là con gái rất cần sự chăm sóc của mẹ. Do vậy nay cần giao cho anh chị mỗi người nuôi một con, giao cho chị N trực tiếp nuôi cháu A; giao cho anh H trực tiếp nuôi cháu Đ là phù hợp với quy định tại Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị N, anh H nuôi con và không yêu cầu phía bên kia phải cấp dưỡng nuôi con. Nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị N và anh H, cho đến khi chị N, anh H có yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

[4.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh H thống nhất tự thoả thuận, không yêu cầu toà án giải quyết, nên không đặt ra việc xem xét giải quyết; về các khoản cho vay chung: Chị N, anh H đều xác định không có.

[4.5]. Về án phí: Nguyên đơn chị N phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật về nộp Ngân sách Nhà nước.

[4.6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273, 264, 266, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin “Ly hôn, nuôi con chung” của chị Nguyễn Thị Mai N đối với anh Nguyễn Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mai N và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Mai N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 15/9/2018 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 09/01/2014 cho đến hết đời. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ trực tiếp nuôi con và các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị N, anh H nuôi con và không yêu cầu phía bên kia phải cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị N và anh H cho đến khi chị N, anh H có yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N, anh H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra việc xem xét giải quyết; về các khoản cho vay chung: Chị N, anh H đều xác định không có.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu số 0001471 ngày 25/02/2025.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị N, anh H báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các Đương sự
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- THADS thành phố Phổ Yên;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- UBND xã T C;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ TÊN)**

Hà Thị Thu Thủy